

Số: 157⁶/TB- THPT TD

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Về chính sách, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập
Năm học 2022-2023.

Kính gửi: Ông, bà giáo viên chủ nhiệm lớp năm học 2022-2023.

Thực hiện Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm học 2022-2023;

Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội.

Trường THPT Tân Dân thông báo mức thu học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập như sau:

1. Mức thu học phí áp dụng năm học 2022-2023:

- Hình thức học trực tiếp: 48.000 đồng/1HS/tháng.
- Hình thức học trực tuyến: 36.000 đồng/1HS/tháng.

2. Chế độ miễn, giảm học phí.

2.1. Miễn học phí.

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN- VPQH ngày 30/7/2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Học sinh bị khuyết tật.

c) Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể:

Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- Mồ côi cả cha và mẹ;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định:

- Người thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

d) Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Học sinh là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sỹ quan, binh sỹ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sỹ quan, binh sỹ tại ngũ;

e) Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

- Học sinh là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

- Học sinh là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

- Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ

3. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập.

3.1. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

a) Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ;

b) Học sinh bị khuyết tật;

c) Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Chế độ chi hỗ trợ chi phí học tập:

Học sinh thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập với mức 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/1 năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

4. Chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập.

4.1. Chính sách học bổng:

Học sinh là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ. Học sinh được cấp học bổng 9 tháng/năm học.

Không áp dụng chế độ này đối với các đối tượng người khuyết tật đã được hưởng học bổng chế độ chính sách theo quy định tại Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

4.2. Chính sách hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập:

Học sinh là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000 đồng/người/năm học.

Người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.

5. Hồ sơ xét miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; chính sách học bổng và hỗ trợ để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật

5.1. Học phí.

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu GVCN nhận tại phòng kế toán nhà trường).

- Giấy xác nhận con thương binh, con liệt sỹ, con bệnh binh, chất độc hóa học, của cơ quan quản lý đối tượng người có công

- Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc quyết định về việc trợ cấp xã hội của chủ tịch UBND huyện.

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nộp Giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

- Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp;

- Học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn: Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú.

5.2. Chính sách học bổng và hỗ trợ để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật.

- Đơn đề nghị hưởng chính sách học bổng và hỗ trợ để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật (theo mẫu);

- Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã hoặc quyết định về việc trợ cấp xã hội của chủ tịch UBND huyện và giấy tờ chứng minh hộ nghèo, cận nghèo;

5.3. Hỗ trợ chi phí học tập.

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (theo mẫu);

- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

- Về đơn: Tất cả các trường hợp đề nghị xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đều phải có đơn (mẫu nhận tại phòng kế toán).

- Về hồ sơ kèm với đơn:

+ *Khởi 10: Thu mới.*

+ Khối 11, 12: Học sinh đã có hồ sơ xét ở năm học 2021-2022 thì chỉ cần nộp đơn không phải nộp hồ sơ minh chứng, chỉ nộp những trường hợp bổ sung mới.

+ Riêng hộ nghèo, cận nghèo nộp giấy chứng nhận theo quy định (theo năm tài chính và học sinh mới nhập học).

- GVCN thu hồ sơ của học sinh và GVCN nộp trực tiếp về phòng kế toán.

- Hạn nộp hồ sơ miễn giảm phục vụ thực hiện miễn giảm cho học sinh trong học kỳ I năm học 2022-2023 chậm nhất về phòng kế toán nhà trường là ngày 24/9/2022.

- Hạn nộp hồ sơ miễn giảm phục vụ thực hiện miễn giảm cho học sinh trong học kỳ II năm học 2022-2023 chậm nhất về phòng kế toán nhà trường là ngày 16/01/2023.

Đề nghị các Ông, Bà Giáo viên chủ nhiệm các lớp thông báo tới học sinh và Cha mẹ học sinh biết để thực hiện, nhà trường không chịu trách nhiệm về giải quyết chế độ, quyền lợi cho những trường hợp nộp không đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Niêm yết tại phòng chờ của GV;
- Lưu: VT, KT.



Trịnh Xuân Tinh